**Sở Giáo dục và Đào tạo ...**

**Đề thi Giữa kì 2 - Môn: Địa Lí 12**

**năm 2025**

*Thời gian làm bài: phút*

**(Đề 1)**

**PHẦN I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN**

**1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.** *Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.*

**Câu 1.**Ở nước ta hiện nay, loại đường nào sau đây có khối lượng luân chuyển hàng hóa và hành khách lớn nhất?

A. Đường ô tô.

B. Đường sắt.

C. Đường biển.

D. Đường sông.

**Câu 2.**Đặc điểm nào sau đây đúng với ngành viễn thông nước ta hiện nay?

A. Phân bố tập trung ở miền núi.

B. Chủ yếu lao động phổ thông.

C. Chỉ phục vụ cho kinh doanh.

D. Mạng lưới phát triển đa dạng.

**Câu 3.**Vùng nào ở nước ta ngành nội thương còn kém phát triển?

A. Đồng bằng sông Hồng.

B. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

C. Đông Nam Bộ.

D. Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 4.** Các trung tâm du lịch quốc gia của nước ta là

A. Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Lạt, Hà Nội, Vinh.

B. Hà Nội, Huế, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh.

C. Hà Nội, Hạ Long, Nha Trang, Đà Lạt, Vũng Tàu.

D. Nha Trang, Đà Nẵng, Cần Thơ, Hà Nội, Đà Lạt.

**Câu 5.**Đặc điểm nào sau đây đúng với vị trí và lãnh thổ vùng TD&MNBB?

A. Có diện tích lớn nhất cả nước.

B. Là vùng duy nhất không giáp biển.

C. Lãnh thổ gồm 15 tỉnh.

D. Tiếp giáp với Trung Quốc và Lào.

**Câu 6.**Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, cây cà phê được trồng chủ yếu ở tỉnh nào sau đây?

A. Điện Biên, Yên Bái.

B. Lạng Sơn, Sơn La.

C. Sơn La, Điện Biên.

D. Lai Châu, Lào Cai.

**Câu 7.**Phát biểu nào sau đây **không** đúng với dân số và lao động của vùng Đồng bằng sông Hồng?

A. Là vùng đông dân nhất nước ta.

B. Có nguồn lao động trẻ và đông.

C. Lao động có kinh nghiệm sản xuất.

D. Phần lớn dân số sống ở thành thị.

**Câu 8.**Vùng Đồng bằng sông Hồng có những huyện đảo nào sau đây?

A. Cát Bà, Bạch Long Vĩ, Phú Quý, Vân Đồn.

B. Cát Bà, Bạch Long Vĩ, Lý Sơn, Vân Đồn.

C. Cát Bà, Bạch Long Vĩ, Côn Đảo, Vân Đồn.

D. Cát Bà, Bạch Long Vĩ, Cô Tô, Vân Đồn.

**Câu 9.**Dạng địa hình chủ yếu ở Bắc Trung Bộ là

A. đồi núi.

B. đồng bằng.

C. trung du.

D. cao nguyên.

**Câu 10.**Đặc điểm tự nhiên nào sau đây là cơ sở cho việc hình thành cơ cấu nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản ở Bắc Trung Bộ?

A. Địa hình phân hoá từ tây sang đông.

B. Khí hậu nhiệt đới ẩm có mùa đông lạnh.

C. Có nhiều nhóm đất và loại đất khác nhau.

D. Giáp vùng biển rộng, giàu tiềm năng.

**Câu 11.**Hai quần đảo xa bờ thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là

A. Trường Sa, Côn Sơn.

B. Côn Sơn, Nam Du.

C. Hoàng Sa, Trường Sa.

D. Thổ Chu, Nam Du.

**Câu 12.**Vùng nuôi tôm thâm canh với quy mô lớn ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ đã hình thành ở các tỉnh nào sau đây?

A. Quảng Nam, Quảng Ngãi.

B. Ninh Thuận, Bình Thuận.

C. Phú Yên, Khánh Hòa.

D. Khánh Hòa, Ninh Thuận.

**2. Câu trắc nghiệm đúng sai.** *Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.*

**Câu 1.**Đọc bảng số liệu và chọn đúng hoặc sai ở mỗi ý a, b, c, d sau đây:

**Số lượng trâu của vùng trung du miền núi Bắc Bộ và cả nước giai đoạn 2018 - 2021**

*(Đơn vị: Nghìn con)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2018** | **2019** | **2020** | **2021** |
| Trung du và miền núi phía Bắc | 1391,2 | 1332,4 | 1293,9 | 1245,3 |
| Cả nước | 2486,9 | 2388,8 | 2332,8 | 2262,9 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)*

**a)**Đàn trâu có xu hướng tăng liên tục.

**b)**Đàn trâu của vùng chiếm số lượng lớn nhất cả nước.

**c)**Vùng nuôi nhiều trâu vì mang lại hiệu quả kinh ế cao hơn bò.

**d)**Giải pháp chủ yếu phát triển nuôi trâu theo hướng sản xuất hàng hóa là phát triển vùng chăn nuôi tập trung, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong chăn nuôi.

**Câu 2.**Đọc đoạn thông tin và chọn đúng hoặc sai ở mỗi ý a, b, c, d sau đây:

Duyên hải Nam Trung Bộ có vùng biển rộng và nhiều ngư trường lớn. Đường bờ biển dài với nhiều vịnh biển sâu như: vịnh Vân Phong, Cam Ranh, Đà Nẵng…, nhiều bãi biển đẹp như: Nha Trang, Mũi Né, Non Nước, Mỹ Khê, nhiều khu dự trữ sinh quyển…, và nhiều khoáng sản có giá trị đã tạo điều kiện thuận lợi để Duyên hải Nam Trung Bộ phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển.

**a)** Vùng biển rộng với nhiều vịnh biển sâu thuận lợi cho phát triển ngành khai thác khoáng sản.

**b)** Duyên hải Nam Trung Bộ có thế mạnh trong phát triển du lịch biển với sản phẩm du lịch đa dạng.

**c)** Khai thác thuỷ sản là ngành kinh tế quan trọng nhất, với lợi thế có hai ngư trường trọng điểm.

**d)** Phát triển kinh tế biển là nền tảng quan trọng trong việc củng cố, hoàn thiện và phát triển an ninh quốc phòng của vùng và cả nước.

**3.** **Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn.** *Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4.*

**Câu 1.**Biết rằng năm 2021 dân số nước ta là 98,5 triệu người và số thuê bao điện thoại là 125,8 triệu thuê bao.

*Căn cứ vào số liệu đã cho, tính:*

a) Số thuê bao điện thoại trên 100 dân của nước ta? *(làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của thuê bao điện thoại/người).*

b) Trung bình mỗi người Việt Nam sở hữu bao nhiêu thuê bao điện thoại? *(làm tròn kết quả đến chữ số thập phân đầu tiên của đơn vị thuê bao điện thoại)*

**Câu 2.** Biết rằng, năm 2021, tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng của vùng Đồng bằng sông Hồng là 1143,1 nghìn tỉ đồng, của cả nước là 4407,8 nghìn tỉ đồng.

*Căn cứ vào số liệu đã cho, tính:*

a) Tỉ trọng tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng của vùng Đồng bằng sông Hồng so với cả nước. *(làm tròn kết quả đến chữ số đầu tiên của hàng thập phân của %)*

b) Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng của vùng Đồng bằng sông Hồng bằng bao nhiêu lần so với cả nước. *(làm tròn kết quả đến chữ số đầu tiên của lần)*

**Câu 3.** Năm 2021, diện tích của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là khoảng 95,2 nghìn km² và tổng dân số là khoảng 12,9 triệu người. Tỉ lệ dân thành thị khoảng 20,5% dân số toàn vùng.

*Căn cứ vào số liệu đã cho, tính:*

a) Mật độ dân số của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ năm 2021. *(làm tròn đến chữ số thập phân đầu tiên của người/ km²)*

b) Số dân nông thôn của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ năm 2021. *(làm tròn đến chữ số thập phân đầu tiên của triệu người)*

**Câu 4.** Cho bảng số liệu:

**Sản lượng hải sản khai thác của Duyên hải Nam Trung Bộ giai đoạn 2010 – 2021.**

*(Đơn vị: nghìn tấn)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Năm****Tiêu chí** | **2021** |
| Sản lượng hải sản khai thác | 1167,9 |
| *Trong đó: Cá biển* | *966,0* |

*(Nguồn: Tổng cục thống kê năm 2011, năm 2022)*

*Căn cứ vào bảng số liệu, tính:*

a) Tỉ trọng sản lượng khai thác cá biển trong tổng sản lượng hải sản khai thác của Duyên hải Nam Trung Bộ năm 2021. *(làm tròn kết quả đến chữ số thập phân đầu tiên của %)*

b) Tỉ trọng sản lượng hải sản khai thác của Duyên hải Nam Trung Bộ năm 2021 so với cả nước. Biết tổng sản lượng hải sản khai thác của cả nước năm 2021 là 3743,8 nghìn tấn. *(làm tròn kết quả đến chữ số thập phân đầu tiên của %)*

**PHẦN II. TỰ LUẬN**

**Câu 1.**Phân tích hạn chế của điều kiện tự nhiên và điều kiện kinh tế - xã hội đến sự phát triển kinh tế - xã hội ở Đồng bằng sông Hồng.

**Câu 2.**Cho bảng số liệu:

**Diện tích và sản lượng lúa của Bắc Trung Bộ giai đoạn 2010 – 2021.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2021** |
| Diện tích gieo trồng lúa *(nghìn ha)* | 690,0 | 701,5 | 674,0 |
| Sản lượng lúa *(triệu tấn)* | 3,4 | 3,8 | 3,9 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2011, 2016, 2022)*

Nhận xét bảng số liệu và phân tích một số thế mạnh để phát triển cây lương thực ở Bắc Trung Bộ.

**ĐÁP ÁN**

**PHẦN I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN**

**1.**(Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| Đáp án | C | D | B | B | D | C | D | D | A | A | C | C |

**2.**(Mỗi lựa chọn đúng thí sinh được 0,25 điểm)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Nội dung a** | **Nội dung b** | **Nội dung c** | **Nội dung d** |
| **Câu 1** | Sai | Đúng | Sai | Đúng |
| **Câu 2** | Sai | Đúng | Sai | Đúng |

**3.**(Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Câu 1** | **Câu 2** | **Câu 3** | **Câu 4** |
| **Đáp án a** | 128 thuê bao điện thoại/người | 25,9% | 135,5 người/ km² | 82,7% |
| **Đáp án b** | 1,3 thuê bao điện thoại | 0,3 lần | 10,3 triệu người | 31,2% |

**PHẦN II. TỰ LUẬN**

**Câu 1.**

- Hạn chế của điều kiện tự nhiên đến sự phát triển kinh tế - xã hội ở Đồng bằng sông Hồng:

+ Các thiên tai (bão, lũ lụt, bạn hán...), rét đậm rét hại đã ảnh hưởng lớn sản xuất và đời sống, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp.

+ Nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, độ ẩm lớn (nhất là cuối mùa đông) tạo điều kiện cho sâu bệnh phát triển phá hoại mùa màng và làm cho máy móc sản xuất dễ bị han rỉ, hư hỏng, khó khăn trong bảo dưỡng.

+ Vùng hạn chế về tài nguyên thiên nhiên, thiếu nguyên liệu cho việc phát triển công nghiệp, phải nhập nguyên liệu từ vùng khác đến.

+ Một số tài nguyên (đất, nước trên mặt...) bị ô nhiễm, suy thoái do khai thác quá mức đã ảnh hưởng đến khả năng phát triển cũng như việc nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi.

- Hạn chế của điều kiện kinh tế - xã hội đến sự phát triển kinh tế - xã hội ở Đồng bằng sông Hồng:

+ Số dân đông, mật độ dân số cao gây khó khăn cho giải quyết việc làm, sử dụng tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.

+ Cơ sở hạ tầng ở một số nơi quá tải, ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội.

**Câu 2.**

- Nhận xét bảng số liệu:

*+ Diện tích gieo trồng lúa:*Có sự biến động không đáng kể trong giai đoạn này. Diện tích tăng nhẹ từ năm 2010 đến 2015, sau đó giảm nhẹ vào năm 2021. Tuy nhiên, nhìn chung, diện tích gieo trồng lúa vẫn được duy trì ở mức ổn định. *(dẫn chứng)*

*+ Sản lượng lúa:* Có xu hướng tăng trưởng liên tục trong suốt giai đoạn nghiên cứu. *(dẫn chứng)*

- Một số thế mạnh để phát triển cây lương thực ở Bắc Trung Bộ:

+ Trong vùng có đồng bằng Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh có đất phù sa phù hợp cho sản xuất lương thực.

+ Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh, có sự phân hoá phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới với cơ cấu sản phẩm đa dạng.

+ Mạng lưới sông ngòi Bắc Trung Bộ khá dày với nhiều lưu vực sông, có giá trị về thuỷ lợi.

+ Các tiến bộ về khoa học kĩ thuật, công nghệ và áp dụng các giống mới giúp tăng năng suất cây lương thực.